

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-PT

Ngày 04/6/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà, ông Ngô Sỹ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Dương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/TLPT-DS ngày 04/02/2020 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2020/QĐPT-DS ngày 20/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H. Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khối 2, thị trấn X, huyện Ngh, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị V. Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khối 14, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khối 1, phường Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Năm 2016, bà có cho bà Lê Thị V ở khối 14, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An vay một số tiền vào các đợt cụ thể như sau: Ngày 14/3/2016 vay 30.000.000 đồng; ngày 24/4/2016 vay 50.000.000 đồng; ngày 26/5/2016 vay 80.000.000 đồng; ngày 07/7/2016 vay 50.000.000 đồng; ngày 08/7/2016 vay

30.000.000 đồng; ngày 10/8/2016 vay 40.000.000 đồng; ngày 11/9/2016 vay 20.000.000 đồng; ngày 19/12/2016 vay 30.000.000 đồng.

Tổng cộng 8 đợt vay là 330.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm giấy tờ do bà V viết ký nhận. Không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Sau đó bà V đã trả cho bà H 70.000.000 đồng thông qua chị gái bà H. Số tiền còn lại 260.000.000 đồng, bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà V không trả. Nay, bà H yêu cầu bà V phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị V trình bày: Bà thừa nhận có vay số tiền của bà H theo các đợt như bà H kê khai là đúng. Khi vay hai bên có làm giấy tờ do bà V viết ký nhận. Về lãi suất, hai bên có thỏa thuận ngầm rồi nhập lãi trong số tiền gốc chứ không ghi rõ trong giấy vay. Theo bà V, hiện nay bà chỉ nợ bà H một lần vay ngày 19/12/2016 là 30.000.000 đồng, bởi vì nguyên tắc khi vay lần sau thì lần trước phải trả hết số tiền rồi mới cho vay lần sau và khi trả tiền cho bà H không viết giấy tờ gì cả. Nay, bà H yêu cầu bà V trả số tiền 260.000.000 đồng bà V không đồng ý trả mà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Buộc bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 260.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị V không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/11/2019, bị đơn bà Lê Thị V kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Hội đồng xét xử không khách quan, không minh bạch, bà không nợ bà V số tiền 260.000.000 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm tuyên. Đề nghị điều tra, xác minh, xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm đảm bảo chính xác, khách quan, đúng người, đúng hành vi vi phạm; đồng thời xét xử bà H về hành vi cho vay nặng lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị V giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Lê Thị V và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến : Quá trình giải quyết phúc thẩm vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V; áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng tuyên về lãi suất chậm thi hành án; buộc bà Lê Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị V kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V, thấy rằng:

Căn cứ vào các giấy vay tiền do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp thể hiện năm 2016, bà Lê Thị V vay bà Nguyễn Thị Thu H 8 lần với tổng số tiền 330.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 14/3/2016 vay 30.000.000 đồng; ngày 24/4/2016 vay 50.000.000 đồng; ngày 26/5/2016 vay 80.000.000 đồng; ngày 07/7/2016 vay 50.000.000 đồng; ngày 08/7/2016 vay 30.000.000 đồng; ngày 10/8/2016 vay 40.000.000 đồng; ngày 11/9/2016 vay 20.000.000 đồng; ngày 19/12/2016 vay 30.000.000 đồng.

Trong các giấy vay tiền không thể hiện lãi suất vay và thời hạn trả tiền. Bà H và bà V đều thừa nhận giấy vay tiền do bà V viết và ký tên. Theo bà H thì sau khi vay, bà V mới trả cho bà H 70.000.000 đồng thông qua bà Nguyễn Thị H là chị gái bà H. Hiện, bà V còn nợ 260.000.000 đồng nên bà H khởi kiện yêu cầu bà V phải trả cho bà H số tiền trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị V thừa nhận bà có vay bà H nhiều lần nhưng khi vay khoản tiền sau thì bà đã thanh toán xong khoản tiền vay trước nhưng do tin tưởng nên bà V không xé giấy vay. Hiện nay, bà V chỉ nợ bà H số tiền 30.000.000 đồng của giấy vay sau cùng. Bà H cho vay nặng lãi, đã cộng cả tiền gốc vào tiền lãi nên mới có số tiền 330.000.000 đồng nhưng bà V chỉ cung cấp được chứng cứ chứng minh bà V đã trả cho bà H 70.000.000 đồng thông qua bà Nguyễn Thị H (chị gái bà H), không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H cho vay nặng lãi. Trong các giấy vay tiền chỉ thể hiện số tiền vay, không thể hiện số tiền lãi và lãi suất vay. Bà H và

bà H chỉ thừa nhận bà V trả cho bà H 70.000.000 đồng như chứng cứ bà V xuất trình. Mặt khác, bà V vừa thừa nhận có vay tiền nhiều lần, trả lần trước mới vay tiếp lần sau, hiện chỉ còn nợ số tiền 30.000.000 đồng theo giấy vay ngày 19/12/2016 vừa cho rằng nguyên đơn cộng cả tiền lãi suất vào tiền gốc là mâu thuẫn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 260.000.000 đồng là có cơ sở.

[3]. Hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà V là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi suất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 để quyết định buộc bà V trả nợ cho bà H là không chính xác. Mặt khác, bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo khoản 4 Điều 468 là không đúng vì Điều 468 không có khoản 4. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm; sửa điều luật áp dụng về nội dung và lãi suất chậm thi hành án.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Buộc bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm, sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Lê Thị V phải chịu 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002444 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An. Bà V phải nộp tiếp 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006140 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố V;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Từ